

đạo Hội đồng thi, căn cứ vào đề nghị của nhân viên Hội đồng và sau khi thẩm tra học bạ, có thể đưa ra Hội đồng xét và quyết định đặc cách lấy thêm vào danh sách trúng tuyển một số thí sinh ở vào trường hợp đã bị loại, nhưng trong niên học đã được xếp vào hàng rất khá và hạnh kiểm thật tốt.

Điều 23. — Trong việc xét lấy thêm, toàn thể nhân viên Hội đồng có quyền biểu quyết. Quyết định sẽ theo đa số tương đối. Nếu số người biểu quyết ngang nhau ý kiến của Chủ tịch là ý kiến quyết định. Nghị quyết của Hội đồng về việc này sẽ ghi rõ vào biên bản.

Điều 24. — Hội đồng chấm thi không xếp hạng những thí sinh trúng tuyển. Nhưng sau khi duyệt danh sách những thí sinh này Hội đồng có thể quyết định lựa chọn một số thí sinh (nhiều hay ít tùy trường hợp) xét thật xứng đáng được đưa về trường tuyên dương trong số những thí sinh bảo đảm đủ 3 tiêu chuẩn tối thiểu sau đây:

1) Về kết quả kỳ thi: có từ 3 điểm 5 trở lên, các điểm khác đều 4.

2) Về kết quả học tập: được xếp vào loại khá (quá nửa số môn học được điểm tổng kết cả năm từ 4 trở lên, các điểm khác đều 3).

3) Về hạnh kiểm: Điểm từ 4 trở lên (điểm 5 bậc).

Điều 25. — Kết quả kỳ thi sẽ công bố tại từng trường và chỉ được coi là chính thức sau khi đã được Khu Giáo dục hay Ty Giáo dục trực thuộc duyệt y.

CHƯƠNG VII

HỒ SƠ THI — BÁO CÁO TỔNG KẾT KỶ THI

Điều 26. — Thi viết xong, Chủ tịch Hội đồng coi thi sẽ gửi đến Chủ tịch Hội đồng chấm thi biên bản kỳ thi viết, kèm theo hồ sơ thí sinh và hồ sơ thi gói kín.

Chấm thi xong, Chủ tịch Hội đồng chấm thi gửi về Ty Giáo dục các biên bản Hội đồng thi (coi thi và chấm thi), kèm danh sách những thí sinh trúng tuyển lập theo từng trường và hồ sơ thi gồm những giấy tờ cần thiết cho việc xét duyệt kết quả kỳ thi và việc cấp giấy chứng nhận trúng tuyển.

Điều 27. — Sau khi đã kiểm soát công việc của các Hội đồng thi, Ty Giáo dục làm báo cáo gửi về Khu Giáo dục với toàn bộ hồ sơ đề xin duyệt y kết quả kỳ thi, đồng thời tranh thủ gửi lên Nha Giáo dục phổ thông một bản báo cáo đầu tiên về kết quả kỳ thi.

Điều 28. — Sau khi duyệt y, Khu Giáo dục thông báo cho các Ty Giáo dục biết, đồng thời đúc kết tình hình kết quả kỳ thi trong toàn Khu và báo

cáo lên Nha Giáo dục phổ thông và Ủy ban Hành chính liên khu.

Ty Giáo dục trực thuộc trung ương sẽ gửi báo cáo tổng kết kỳ thi lên Nha Giáo dục phổ thông và Ủy ban Hành chính tỉnh.

*Ban hành theo nghị định
số 191-NĐ ngày 20 tháng 3 năm 1958*

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN

NGHỊ ĐỊNH số 192-NĐ ngày 20-3-1958 quy định thể lệ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trường phổ thông áp dụng từ niên học 1957 — 1958.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Căn cứ nghị định số 596-NĐ ngày 30-8-1956 ban hành quy chế Trường phổ thông;

Căn cứ nghị định số 322-NĐ ngày 17-4-1957 quy định thể lệ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp Trường phổ thông;

Theo đề nghị của ông Giám đốc Nha Giáo dục phổ thông,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay bãi bỏ nghị định số 322-NĐ ngày 17-4-1957 nói trên và quy định dưới đây thể lệ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp Trường phổ thông áp dụng từ niên học 1957 — 58.

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 2. — Kỳ thi tốt nghiệp Trường phổ thông tổ chức cho học sinh các trường cấp 3 quốc lập, tư thục và thí sinh tự do đã học hết chương trình cấp 3 Trường phổ thông và đủ điều kiện được dự thi nói trong các điều 7 và 8 dưới đây.

Điều 3. — Kỳ thi tốt nghiệp Trường phổ thông do Khu, Sở hay Ty Giáo dục trực thuộc phụ trách tổ chức dưới sự lãnh đạo thống nhất của Nha giáo dục phổ thông.

Bằng tốt nghiệp Trường phổ thông do Bộ Giáo dục cấp.

Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do Nhà Giáo dục phổ thông cấp.

Điều 4. — Mỗi năm chỉ tổ chức một khoa thi tốt nghiệp Trường phổ thông vào cuối niên học. Về mỗi khoa thi, Nha Giáo dục phổ thông sẽ ấn định ngày thi thống nhất và những nơi tổ chức các Hội đồng thi theo đề nghị của các Khu, Sở và Ty Giáo dục trực thuộc.

Điều 5. — Học sinh trường tư thục và thi sinh tự do xin thi tốt nghiệp sẽ thi chung với học sinh trường quốc lập.

Thi sinh tự do hiện đang ở khu, thành phố hay tỉnh nào sẽ xin thi tại một Hội đồng thi trong khu, thành phố hay tỉnh ấy. Trường hợp tại khu, thành phố hay tỉnh ấy không tổ chức Hội đồng thi, thi sinh tự do sẽ xin thi tại một Hội đồng thi thuộc khu, thành phố hay tỉnh khác gần nơi thi sinh hiện đang ở nhất.

Điều 6. — Lúc vào thi, thi sinh phải mang theo thẻ học sinh hay giấy chứng nhận căn cước có *dán ảnh*.

Thẻ của học sinh trường quốc lập hay tư thục phải có chữ ký của Hiệu trưởng và dấu của trường.

Riêng thẻ của học sinh trường tư và giấy chứng nhận căn cước của thi sinh tự do phải có thị thực của Ủy ban Hành chính từ cấp huyện trở lên.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN GHI TÊN XIN THI

Điều 7. — Những thi sinh đủ điều kiện sau đây được dự thi :

a — Về tuổi :

đủ 17 tuổi tính đến 31-12 năm dự thi.

b — Về học :

1 — Học sinh đã học một trường quốc lập hay tư thục có học bạ đầy đủ chứng minh đã học hết cấp 3 trường phổ thông (hoặc tương đương với cấp 3 trường phổ thông) cụ thể là :

Từ niên học 1955 — 56 trở về trước :

— học sinh đã học đầy đủ các lớp đệ tam, đệ nhị, đệ nhất bậc trung học.

— học sinh đã học đầy đủ các lớp 8 và 9 cấp 3 trường phổ thông 9 năm nhưng chưa được công nhận tốt nghiệp ;

Từ niên học 1956 — 57 trở về sau :

— học sinh đã học đầy đủ các lớp 8, 9 và 10 trường phổ thông 10 năm.

2 — Học sinh tự học :

— đã thi hỏng kỳ thi tốt nghiệp Trường phổ thông hay Trung học đệ nhị cấp cũ từ liên khóa 1954 — 55 trở đi (1955 — 56, v.v...)

— có giấy chứng nhận học lực hợp lệ chứng thực đã học đầy đủ chương trình các lớp cấp 3 Trường phổ thông (hoặc tương đương với các lớp cấp 3) trong thời gian ít nhất 3 niên học.

Điều 8. — Những học sinh sau đây không được phép dự kỳ thi tốt nghiệp ngay cuối năm đang học :

— học sinh đang học lớp 10 một trường cấp 3 đã nghỉ liên tục từ 1 tháng trở lên trong học kỳ 2,

hoặc từ 2 tháng trở lên trong cả niên học, mà không được Hội đồng nhà trường xét chiếu cố về hạnh kiểm và sự tiến bộ cuối năm để cho dự thi.

— học sinh đang học lớp 10 một trường cấp 3 đã bị đuổi vì phạm kỷ luật.

Riêng đối với thi sinh tự do, về mỗi khoa thi, Khu, hay Sở Giáo dục có thể quyết định không cho phép một thi sinh được dự thi nếu UBHC nơi thi sinh ở chứng nhận có hạnh kiểm rất xấu.

CHƯƠNG III

HỒ SƠ XIN THI

Điều 9. — Học sinh xin dự thi phải nộp những giấy tờ sau :

1 — đơn xin dự thi làm theo đúng mẫu đính kèm nghị định này do tay thi sinh viết và ký tên.

Đơn của học sinh đang học tại trường phải có chứng thực của Hiệu trưởng.

Đơn của thi sinh tự do phải có chứng nhận về địa chỉ và hạnh kiểm của Thủ trưởng đơn vị quân đội, cơ quan xí nghiệp (nếu thi sinh là bộ đội, cán bộ, công nhân viên) hay của Ủy ban Hành chính xã, khu phố (nếu là thi sinh thường).

2 — giấy khai sinh hay bản sao có thị thực của Ủy ban Hành chính.

3 — bản chính học bạ hay giấy chứng nhận học lực hợp lệ đã học hết các lớp cấp 3 phổ thông.

Điều 10. — Giấy chứng nhận học lực của học sinh tự học phải làm theo đúng thể thức dưới đây mới coi là hợp lệ :

a) *Nếu thi sinh là bộ đội, cán bộ, công nhân viên của Chính phủ.*

Giấy chứng nhận học lực về mỗi niên học phải do Thủ trưởng đơn vị bộ đội từ cấp Trung đoàn trở lên, Thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp từ cấp tỉnh trở lên nhận thực.

b) *Nếu là thi sinh thường :*

— giấy chứng nhận học lực phải do hai giáo viên cấp 3 (1 khoa học xã hội và 1 khoa học tự nhiên) hay hai người có trình độ văn hóa tương đương với giáo viên cấp 3 chứng nhận ;

— giấy chứng nhận học lực thuộc niên học nào phải được Sở hay Ty Giáo dục xác thực ngay cuối niên học ấy. Riêng giấy chứng nhận về niên học của lớp cuối cấp 3 phải có *dán ảnh*.

Điều 11. — Hồ sơ thi của mỗi thi sinh phải gửi đến các Khu, Sở hay Ty Giáo dục trực thuộc trước ngày hết hạn nộp đơn do các cơ quan giáo dục này ấn định mới được chấp nhận.

Trong mỗi khóa thi, thi sinh chỉ được nộp đơn xin thi ở một Hội đồng thi nhất định.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG THI

Điều 12. — Tùy theo số thí sinh dự thi, tại mỗi khu, thành phố hay tỉnh trực thuộc sẽ tổ chức một hay nhiều Hội đồng thi đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của các Khu, Sở hay Ty Giáo dục trực thuộc.

Điều 13. — Nhân viên mỗi Hội đồng thi gồm một số giáo viên của trường cấp 3 nơi mở Hội đồng thi và một số giáo viên điều động ở nơi khác đến nếu xét cần thiết. Nha, Khu, Sở hay Ty Giáo dục trực thuộc có thể cử cán bộ vào một số Hội đồng thi để chỉ đạo rút kinh nghiệm (cán bộ này có thể ở trong Ban lãnh đạo Hội đồng thi).

Nhân viên Hội đồng thi do Nha Giáo dục phổ thông cử theo đề nghị của các Khu, Sở hay Ty Giáo dục trực thuộc. Trong một Khu có nhiều Hội đồng thi, Nha Giáo dục phổ thông có thể ủy nhiệm cho Khu hay Sở Giáo dục cử nhân viên tham gia các Hội đồng thi trong khu và báo cáo lên Nha Giáo dục phổ thông và Ủy ban Hành chính khu hay thành phố.

Điều 14. — Tại mỗi Hội đồng coi thi hay Hội đồng chấm thi, các ông Chủ tịch, phó Chủ tịch và thư ký họp thành Ban lãnh đạo Hội đồng thi.

Hội đồng coi thi hay Hội đồng chấm thi có quyền quyết định mọi công việc trong kỳ thi theo đúng những thể lệ đã quy định.

Điều 15. — Khi có thí sinh bị bắt quả tang gian lận hay cố ý gian lận, Ban lãnh đạo Hội đồng thi có quyền quyết định đuổi ngay thí sinh này khỏi phòng thi.

Quyết định này phải ghi rõ vào biên bản.

CHƯƠNG V

KỶ LUẬT

Điều 16. — Trong khi thi, thí sinh không được thông đồng với nhau hoặc với ngoài, không được mang vào phòng thi những giấy tờ, sách vở, tài liệu... Trái lệ này, thí sinh sẽ bị đuổi ra khỏi phòng thi.

Điều 17. — Thí sinh nào bị bắt quả tang gian lận hay cố ý gian lận trong kỳ thi sẽ bị đuổi ngay ra khỏi phòng thi và có thể bị cấm thi từ một đến hai năm tùy theo trường hợp. Việc cấm thi do Nha Giáo dục phổ thông quyết định.

Điều 18. — Thí sinh nào gian lận hoặc đã nộp giấy tờ có chỗ gian trá mà Hội đồng thi không bắt được quả tang nhưng sau mới tìm ra, có thể bị cấm thi hay hủy bỏ văn bằng và giấy chứng nhận tốt nghiệp.

Việc hủy bỏ văn bằng và giấy chứng nhận tốt nghiệp do Bộ Giáo dục quyết định.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH THI — BÀI THI

Điều 19. — Chương trình thi là chương trình lớp 10 phổ thông đang áp dụng trong năm mở kỳ thi. Nếu cần thêm một phần chương trình các lớp 8 và 9, Nha Giáo dục phổ thông sẽ ấn định và công bố vào học kỳ 2 mỗi niên học.

Điều 20. — Đề thi mỗi khóa do Nha Giáo dục phổ thông chọn chung cho tất cả các Hội đồng thi trong toàn quốc. Nếu xét cần phải ra đề thi riêng cho Hội đồng thi thuộc Khu nào, Nha Giáo dục phổ thông có thể ủy nhiệm cho Khu hay Sở Giáo dục chọn và đưa Nha duyệt trước.

Về các bài thi viết, trừ các bài tính đố bắt buộc, những bài thi khác sẽ ra hai đầu đề để cho thí sinh được tùy ý chọn.

Điều 21. — Bài thi gồm có bài thi viết và bài thi vấn đáp.

A — Bài thi viết:

- | | |
|---|----------|
| 1 — Làm văn : | 3 giờ |
| 2 — Toán : | 3 giờ |
| 3 — Lịch sử : | 1 giờ 30 |
| 4 — Vật lý : | 2 giờ |
| 5 — Chính trị : | 1 giờ 30 |
| 6 — Ngoại ngữ (2 bài) dịch : | 1 giờ 30 |
| 1 bài dịch ngoại ngữ ra Việt văn và 1 bài dịch Việt văn ra ngoại ngữ. | |

— mỗi giờ là 60 phút không kể thi giờ chép đề thi.
— thời gian thi viết không quá 2 ngày rưỡi.

Về bài thi ngoại ngữ, thí sinh được chọn một trong ba ngoại ngữ : Anh văn, Pháp văn, Trung văn và phải ghi rõ trong đơn xin dự thi.

Riêng về kỳ thi tốt nghiệp phổ thông cuối niên học 1957 — 58, bài thi ngoại ngữ là một bài dịch ngoại ngữ ra Việt văn làm trong 1 giờ.

B — Bài thi vấn đáp (đối với mỗi thí sinh, mỗi bài không hỏi lâu quá 15 phút).

1 — Giảng văn

2 — Toán

3 — Hóa học

4 — Sinh vật
5 — Địa lý

riêng trong kỳ thi niên học 1957 — 58 chưa thi về hai môn Sinh vật và Địa lý.

Điều 22. — Các bài thi đều cho điểm theo thang điểm 5 bậc.

Thí sinh nào bỏ không thi một bài (vắng mặt) hoặc nộp giấy trắng (không làm bài) sẽ coi là thiếu bài thi và sẽ bị loại.

Bài thi đều phải rọc phách trước khi chấm.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

Điều 23.— Những thí sinh có đủ điều kiện sau đây được vào vấn đáp :

- các bài thi viết đều được điểm từ 3 trở lên.
- không thiếu bài thi viết nào.

Điều 24.— Những thí sinh có đủ điều kiện sau đây được trúng tuyển hẳn :

— các bài thi viết và vấn đáp đều được điểm từ 3 trở lên

— không thiếu một bài thi viết hay vấn đáp nào.

Điều 25.— Sau kỳ thi viết và sau kỳ thi vấn đáp, Hội đồng chấm thi cần đưa ra thảo luận việc nên hay không nên lấy thêm vào vấn đáp hoặc cho trúng tuyển hẳn những thí sinh mà riêng trong kỳ thi viết, hoặc chung trong tất cả hai kỳ thi viết và vấn đáp ở vào trường hợp sau đây :

- | | | |
|--|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> — có một bài thi bị điểm 2, các bài khác từ 3 trở lên. — có hai bài thi bị điểm 2, các bài khác từ 3 trở lên. — có một bài thi bị điểm 1, các bài khác từ 3 trở lên. | } | <p>thí sinh
không thiếu
một bài
thi nào</p> |
|--|---|---|

Điều 26.— Nếu xét nên lấy thêm, Hội đồng thi sẽ theo những nguyên tắc sau :

1 -- tùy theo tình hình kết quả cụ thể của kỳ thi, Hội đồng sẽ quyết định nên lấy thêm loại học sinh có đến mức điểm nhất định nào, nhưng không được vượt ra ngoài loại học sinh được xét lấy thêm quy định trong điều 25 trên đây.

2 — Hội đồng chỉ sẽ quyết định lấy thêm một học sinh được vào vấn đáp hay được trúng tuyển hẳn sau khi đã xét kỹ học bạ về cả hai mặt: kết quả học tập và hạnh kiểm.

Điều 27.— Sau khi đã lấy thêm một số thí sinh trúng tuyển theo thể thức nói trong điều 26 trên đây, Ban lãnh đạo Hội đồng thi, căn cứ vào đề nghị của nhân viên Hội đồng và sau khi đã thẩm tra học bạ, có thể đưa ra Hội đồng xét và quyết định đặc cách lấy thêm vào vấn đáp hay cho được trúng tuyển hẳn một số thí sinh ở vào trường hợp đã bị loại nhưng trong niên học được xếp vào hạng rất khá và hạnh kiểm thật tốt.

Điều 28.— Trong việc xét lấy thêm, toàn thể nhân viên Hội đồng chấm thi có quyền biểu quyết. Quyết định sẽ lấy theo đa số tương đối. Nếu số người biểu quyết ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

Quyết định của Hội đồng phải ghi rõ vào biên bản.

Điều 29.— Hội đồng thi không xếp hạng thí sinh đã được trúng tuyển hẳn, nhưng có thể quyết định lựa chọn một số thí sinh, nhiều hay ít tùy theo kết quả kỳ thi của từng Hội đồng, đáng được đưa ra tuyển đương trước toàn thể Hội đồng thi. Những thí sinh này ít nhất phải bảo đảm mấy tiêu chuẩn sau :

— về các bài thi: có 5 bài thi được điểm 5, các bài khác từ 4 trở lên

— về kết quả học tập trong niên học: được xếp vào loại khá (quá nửa số môn học được điểm tổng kết cả năm từ 4 trở lên, các môn khác đều 3)

— về hạnh kiểm: điểm tổng kết cả năm từ 4 trở lên.

Điều 30.— Kết quả kỳ thi sẽ tuyên bố ngay tại Hội đồng thi. Kết quả này chỉ coi là chính thức sau khi được Nha Giáo dục phổ thông duyệt y.

CHƯƠNG VIII

HỒ SƠ HỘI ĐỒNG THI — BÁO CÁO

Điều 31.— Sau kỳ thi viết, tại nơi nào có tổ chức Hội đồng coi thi riêng thì Chủ tịch Hội đồng coi thi gửi tập trung đến Hội đồng chấm thi đã ấn định biên bản Hội đồng coi thi kèm hồ sơ kỳ thi viết gói kín và niêm phong. Những trường hợp gian lậu cần ghi rõ trong biên bản và kèm theo tài liệu gian lậu nếu có.

Điều 32.— Thi xong, Chủ tịch Hội đồng chấm thi gửi về Khu, Sở hay Ty Giáo dục trực thuộc biên bản Hội đồng thi kèm danh sách thí sinh được vào vấn đáp và danh sách thí sinh được trúng tuyển hẳn và toàn bộ hồ sơ kỳ thi.

Điều 33.— Khu, Sở hay Ty Giáo dục trực thuộc sau khi kiểm soát lại công việc của Hội đồng thi, làm báo cáo gửi về Nha giáo dục phổ thông kèm hồ sơ thi để xin duyệt y kết quả kỳ thi.

Sau khi duyệt y kết quả kỳ thi, Nha giáo dục phổ thông sẽ cấp giấy chứng nhận trúng tuyển tạm thời trong khi chờ đợi Bộ Giáo dục cấp bằng tốt nghiệp Trường Phổ thông.

Điều 34.— Các ông Chánh văn phòng Bộ giáo dục và Giám đốc Nha giáo dục phổ thông chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội ngày 20 tháng 3 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Giáo dục

NGUYỄN VĂN HUYỀN

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Mẫu đơn
(khô giấy học sinh)

ĐƠN XIN DỰ KỲ THI TỐT NGHIỆP TRƯỜNG PHỔ THÔNG (1)

(tự tay thí sinh viết và ký tên)

Họ và tên thí sinh: (2)

Ngày sinh: ngày. . . tháng. . . năm 19. .

Nơi sinh: (2)

Chỗ ở hiện thời của thí sinh: (3)

Trường hiện đang theo học trong năm dự thi: Lớp 10. Trường phổ thông cấp 3 Quốc lập (hay tư thực) niên học 19. . . — 19. . . (4)

Thí sinh tự do { — là học sinh cũ lớp. . . Trường phổ thông cấp 3 . . . niên học 19 . . . — 19. . . (4)
— là học sinh tự học (4)

Hội đồng xin dự thi: Hội đồng thi tại trường

Khóa thi ngày. . . tháng. . . năm 19. . .

Ngoại ngữ chọn để thi: (5)

Họ và tên cha:

Nghề nghiệp cha:

Họ và tên mẹ:

Nghề nghiệp mẹ:

Chỗ ở hiện thời của cha mẹ: (3)

Hồ sơ đính kèm: 1) giấy khai sinh

2) Bản chính học bạ hay giấy chứng nhận học lực

3) v. v. . .

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng
. , ngày. . . tháng. . . năm 19. . .
(Thí sinh ký tên)

Nhận thực lời khai trên đây là đúng (6)
. , ngày. . . tháng. . . năm 19. . .
Hiệu trưởng trường Phổ thông cấp 3.
(Ký tên và dấu)

Nhận thực về địa chỉ và hạnh kiểm (7)
(của Ủy ban Hành chính địa phương hay Thủ trưởng đơn vị quân đội, cơ quan, xí nghiệp Nhà nước).

. , ngày. . . tháng. . . năm 19. . .
(Chức vụ, họ và tên, chữ ký, dấu)

- (1) — đơn của học sinh đang học tại trường gửi đến Hiệu trưởng trường. Đơn của thí sinh tự do có thể gửi đến Trường học cũ nhờ chuyển giao hoặc gửi thẳng đến Khu, Sở hay Ty Giáo dục trực thuộc
- (2) — Ghi theo đúng giấy khai sinh: *Thí dụ*: giấy khai sinh ghi Nguyễn thị Minh thì không được ghi trong đơn là Nguyễn thị Lê-Minh; ghi đúng tên thôn hay xã cũ như trong giấy khai sinh dù thôn hay xã đã đổi tên mới.
- (3) — ghi rõ số nhà, tên phố nếu ở thành phố hay thị trấn. Nếu ở nông thôn, ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh.
- (4) — Bỏ những giòng không cần thiết.
- (5) — Ghi rõ chọn: Anh văn, Pháp văn hay Trung văn.
- (6) — dành cho thí sinh đang học tại trường công hay tư.
- (7) — dành cho thí sinh tự do: Nếu thí sinh là bộ đội, cán bộ, công nhân viên của Chính phủ, Thủ trưởng đơn vị hay cơ quan sẽ nhận thực trên đơn. Nếu là thí sinh thường, đơn sẽ do UBHC xã, khu phố .. nhận thực. Về hạnh kiểm cần ghi rõ: tinh thần tham gia công việc, thái độ đối xử ở địa phương.